FireAnt

CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (HNX: TTH)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	37,374,846
KLGD BQ 20 phiên (CP)	407,105
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
P/E	80.1
EPS	50

	YTD	1T	3T	6T
TTH	8.1%	-11.1%	-14.9%	2.6%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản

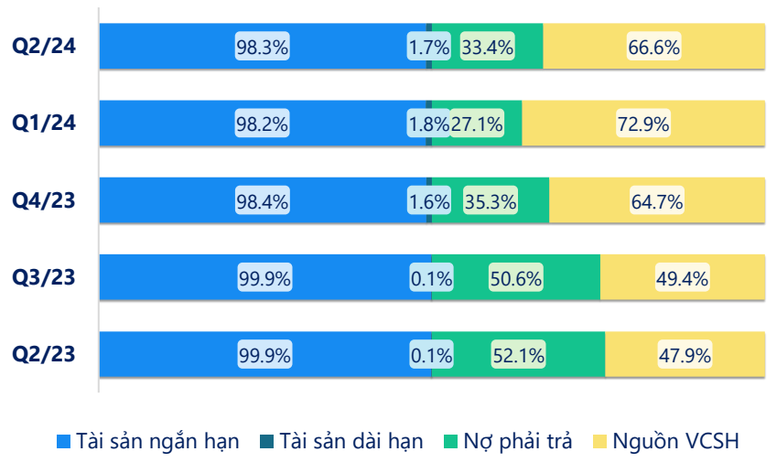

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

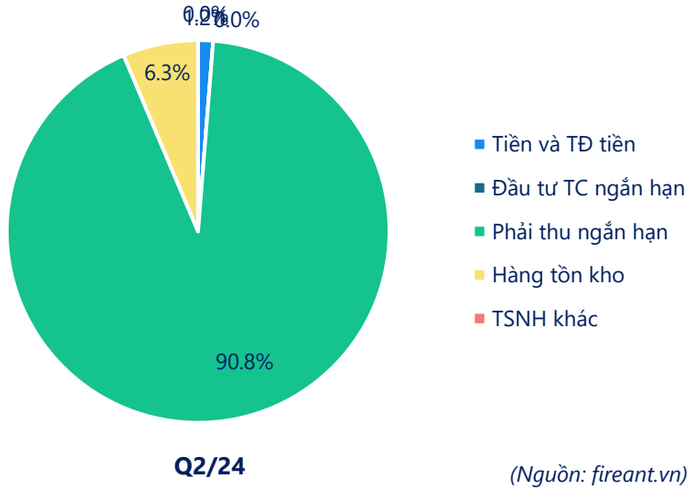

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

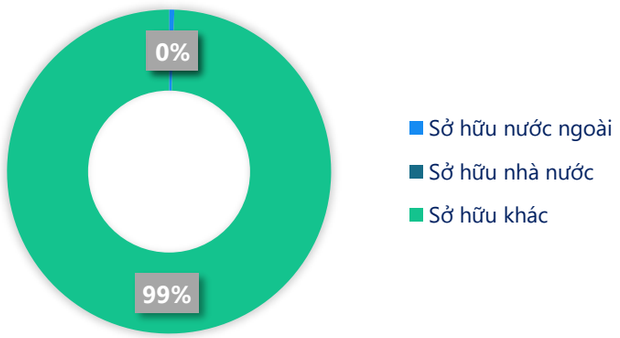

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

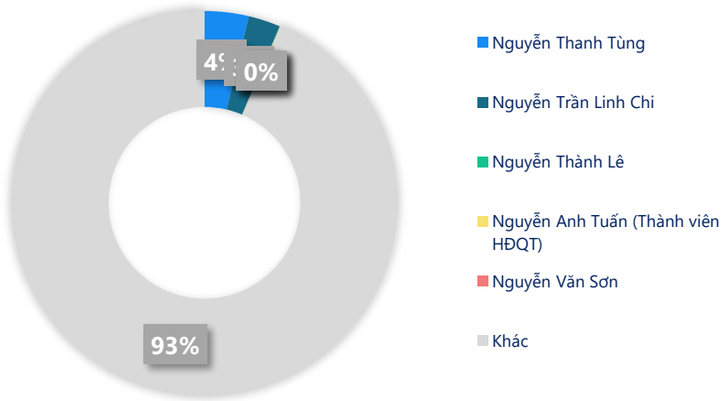

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

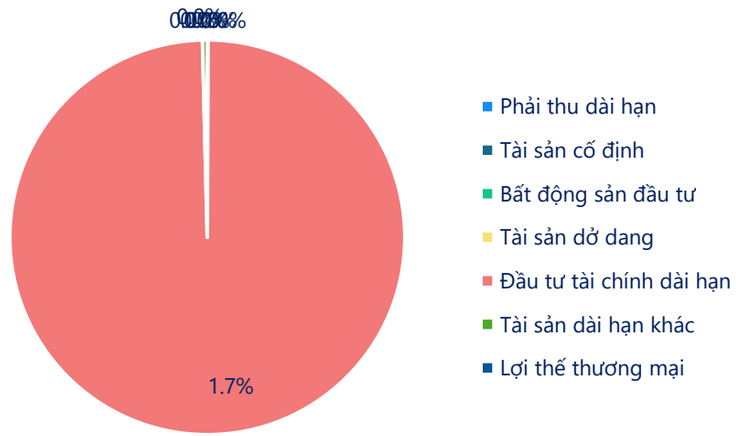

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (HNX: TTH)

Tiền và tương đương tiền

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

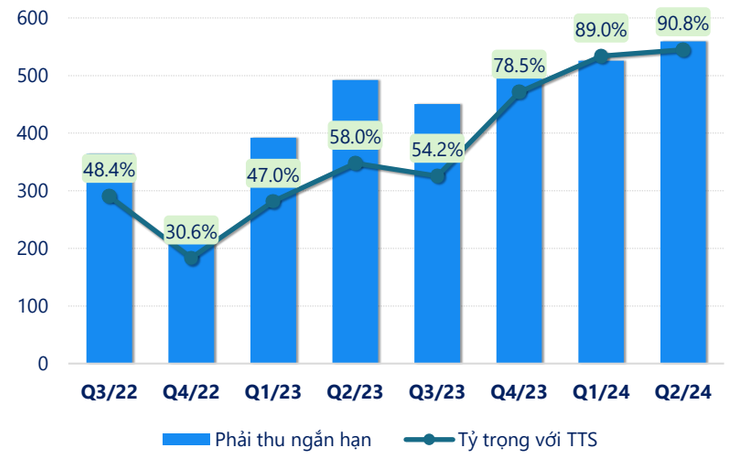

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

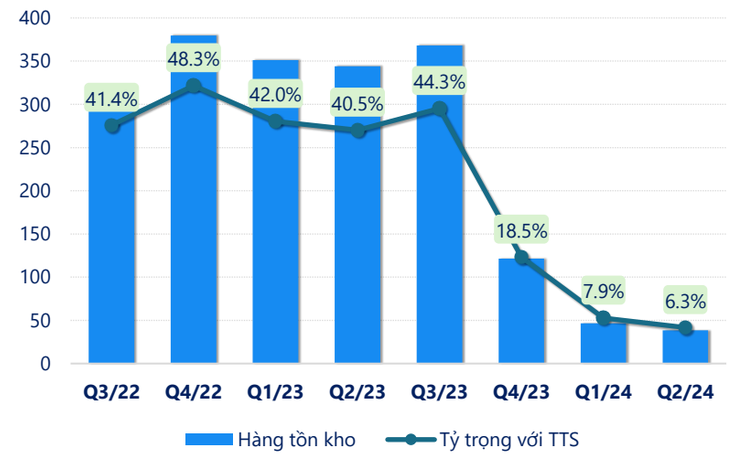

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

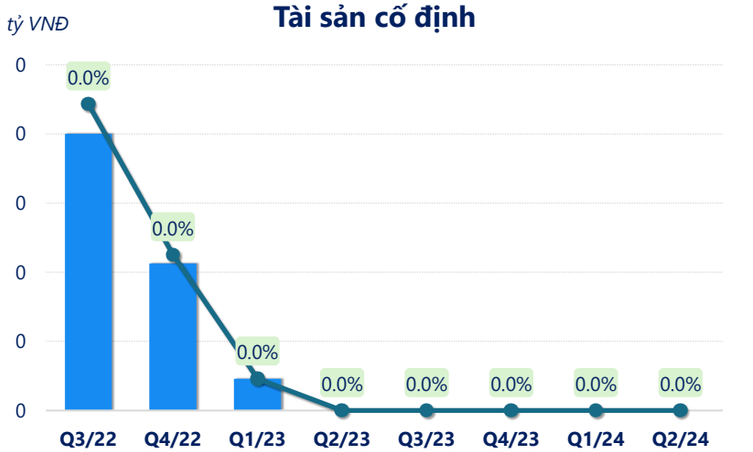

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

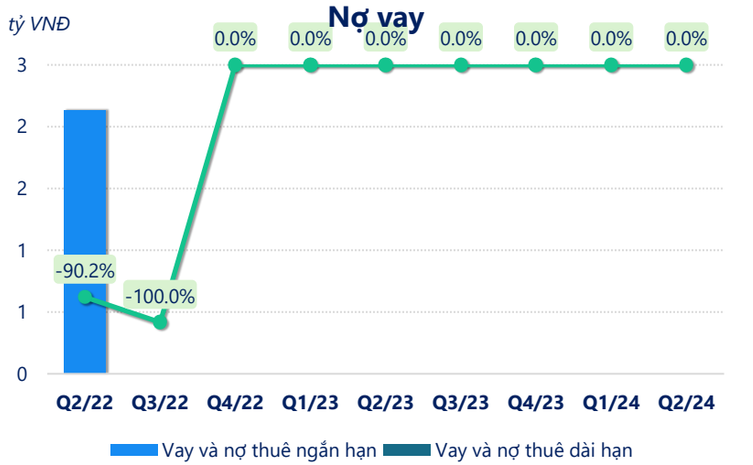

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

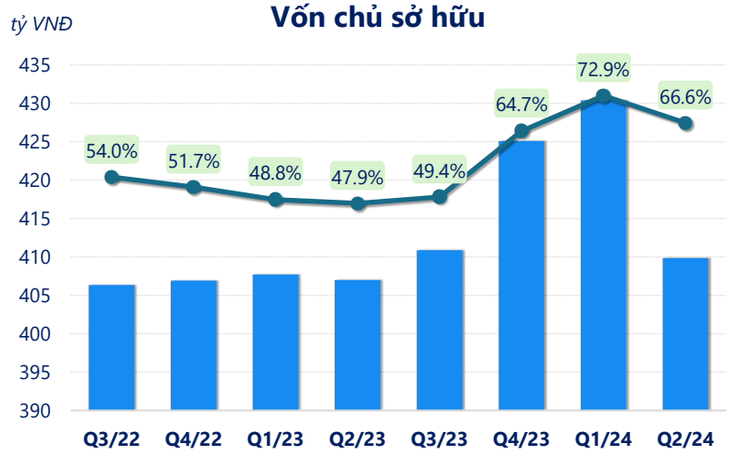

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (HNX: TTH)

Kết quả kinh doanh

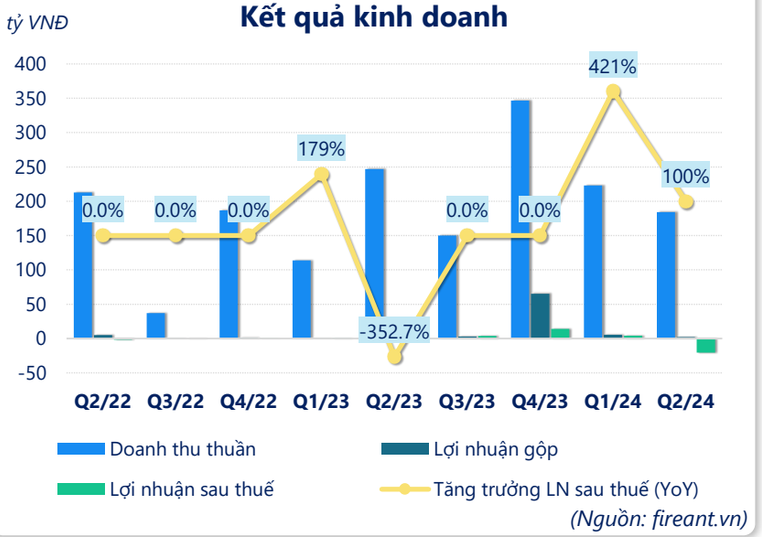

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

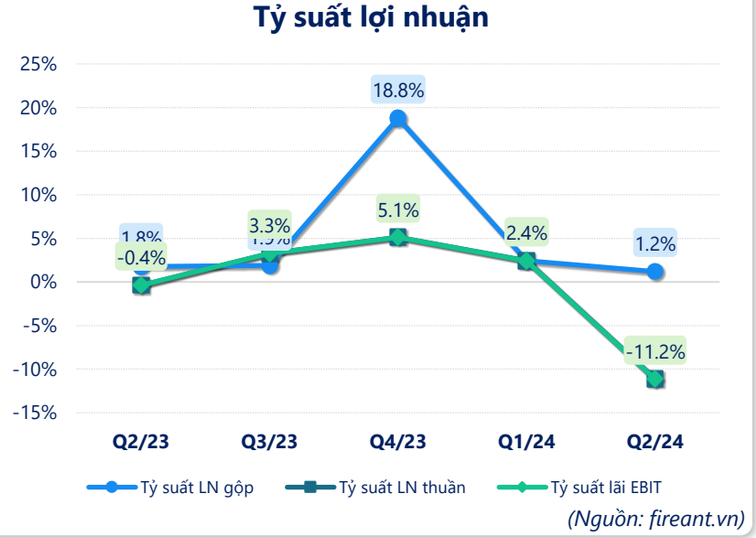

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

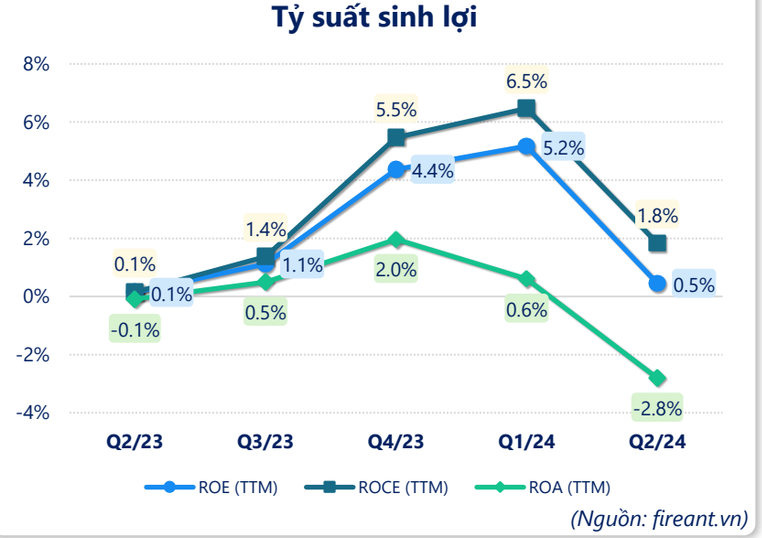

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

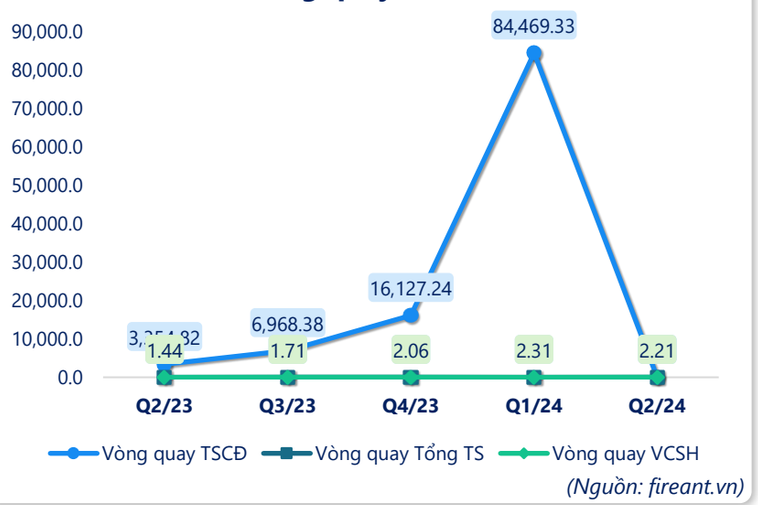

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

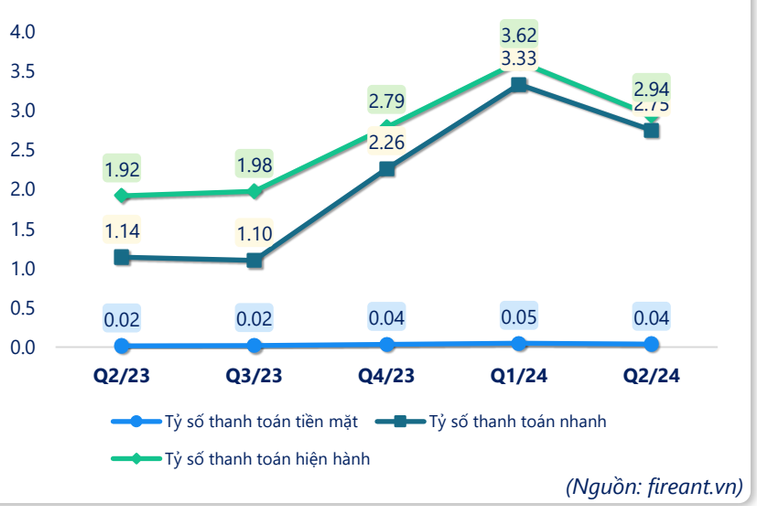

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

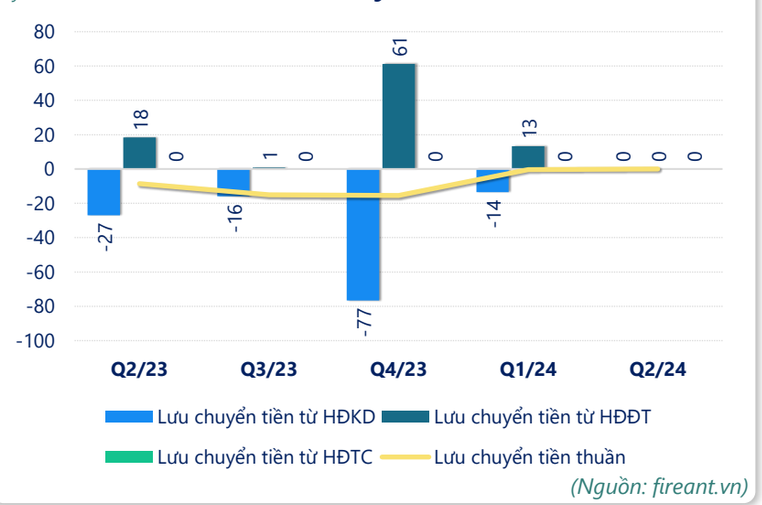

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (HNX: TTH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**616**	**657**	**-6.3%**
Tài sản ngắn hạn	605	647	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	7.63	8.13	-6.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	559	516	8.3%
Hàng tồn kho	38.5	121	-68.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.85	-100.0%
Tài sản dài hạn	**10.5**	**10.5**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	10.5	10.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.04**	**0.04**	**0.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	206	231	-10.8%
Nợ ngắn hạn	**206**	**231**	**-10.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	149	61.7	141%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**410**	**426**	**-3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**426**	**-3.8%**
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	247	150	347	223	184
Giá vốn hàng bán	243	147	282	218	182
Lợi nhuận gộp	4.36	2.87	65.1	5.41	2.19
Doanh thu HĐTC	1.01	0.78	1.04	0.52	0.30
Chi phí TC	0.23	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.21	0.99	49.6	0.29	0.43
Chi phí QLDN	4.84	-2.27	-1.23	0.23	22.5
LN thuần từ HĐKD	-0.92	4.93	17.8	5.42	-20.5
Lợi nhuận khác	0.00	0	-0.05	-0.04	-0.08
LN trước thuế	-0.92	4.93	17.7	5.37	-20.5
Lợi nhuận sau thuế	-0.73	3.92	14.2	4.30	-20.5
LNST của CĐ cty mẹ	-0.73	3.92	14.2	4.30	-20.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-27.0	-15.8	-76.6	-13.5	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.4	0.78	61.2	13.2	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	15.3	23.6	23.6	8.13	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.57**	**-15.1**	**-15.4**	**-0.32**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.74	8.50	8.13	7.81	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic